

Số: 137/2025/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Hà Thị Hoài

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Trương Thị Ngọc Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 32/2025/TLST-LĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 4919/2025/QĐST-LĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Võ Trinh T - Sinh năm: 1994 (có đơn đề nghị vắng mặt)

Số CCCD: 072194006762

Số CMND: 291058213

Địa chỉ: Số E, ấp V, xã H, tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hồ Thị Phụng L – Sinh năm: 1997 (có đơn đề nghị vắng mặt)

Số CCCD: 072197004641

Địa chỉ: Số A đường N, xã B, tỉnh Tây Ninh.

2. Công ty TNHH T2

Địa chỉ trụ sở: Số I Đường C, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp có bà Phạm Thị Hoài T1, sinh năm: 1981; Địa chỉ liên hệ: Số I Đường C, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh làm đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 25112025/UQ/2025 ngày 24/11/2025 (có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

** Người yêu cầu bà Võ Trinh T trình bày:* Từ tháng 10 năm 2013 đến tháng 8 năm 2015, bà T có cho người bạn là Hồ Thị Phụng L mượn chứng minh nhân dân để tham gia lao động tại Công ty TNHH T2. Cùng thời điểm đó, bà T cũng là người lao động tại Công ty TNHH P (Việt Nam) thuộc xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh từ tháng 7/2013 đến tháng 5/2014 và Công ty TNHH B thuộc xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh từ tháng 8/2014 đến tháng 9/2015, số BHXH của bà T là 7213009078. Đến năm 2025, bà T liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội để thực hiện các chế độ theo quy định của pháp luật thì được cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh thông báo bà T có 02 sổ bảo hiểm xã hội số 7913296437 và số 7213009078 trong thời gian từ tháng 10/2013 đến tháng 8/2015. Kiểm tra thông tin, bà T được biết sổ bảo hiểm xã hội số 7913296437 cấp cho bà T có người sử dụng lao động là Công ty TNHH T2. Như vậy, việc bà L mượn thông tin cá nhân của bà T trên chứng minh nhân dân (họ và tên, số chứng minh nhân dân, ngày tháng năm sinh) để tham gia lao động và bảo hiểm xã hội là không đúng chủ thể của quan hệ lao động, không phù hợp quy định tại Điều 15, khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 19 và Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 2012. Vì vậy, căn cứ Điều 401 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố hợp đồng lao động ghi tên và các thông tin cá nhân của bà T với Công ty TNHH T2 trong thời gian từ tháng 10/2013 đến tháng 8/2015 là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là xác định lại người lao động tại Công ty TNHH T2 trong thời gian từ tháng 10/2013 đến tháng 8/2015 là bà Hồ Thị Phụng L, không phải bà Võ Trinh T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Phụng L trình bày:* Từ tháng 10 năm 2013 đến tháng 8 năm 2015, bà L có mượn chứng minh nhân dân của bạn là Võ Trinh T để tham gia lao động tại Công ty TNHH T2. Cùng thời điểm đó, bà T cũng là người lao động tại Công ty TNHH P (Việt Nam) thuộc xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh từ tháng 7/2013 đến tháng 5/2014 và Công ty TNHH B thuộc xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh từ tháng 8/2014 đến tháng 9/2015. Hiện nay, bà T liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội để thực hiện các chế độ theo quy định của pháp luật thì được cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh thông báo bà T có 02 sổ bảo hiểm xã hội số 7913296437 và số 7213009078 trong thời gian từ tháng 10/2013 đến tháng 8/2015. Kiểm tra thông tin, bà T được biết sổ bảo hiểm xã hội số 7913296437 cấp cho bà T với người sử dụng lao động là Công ty TNHH T2. Như vậy, việc bà L mượn thông tin cá nhân của bà T trên chứng minh nhân dân (họ và tên, số chứng minh nhân dân, ngày tháng năm sinh) để tham gia lao động và bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH T2 là không đúng chủ thể của quan hệ lao động, không phù hợp quy định pháp luật. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng lao động ghi tên và các thông tin cá nhân của bà T với Công ty TNHH T2 trong thời gian từ tháng 10/2013 đến tháng 8/2015 là vô hiệu; xác định lại người lao động tại Công ty TNHH T2 trong thời gian từ tháng 10/2013 đến tháng 8/2015 là bà L thì bà L đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T vì những yêu cầu của bà T là sự thật. Hiện nay bà L không có bất cứ tài liệu nào liên quan đến việc bà L mượn thông tin cá nhân của bà T để lao động tại Công ty TNHH T2.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T2 do bà Phạm Thị Hoài T1 làm đại diện trình bày:* Công ty T2 đồng ý yêu cầu của Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa Công ty và bà Võ Trinh T theo yêu cầu của bà Võ Trinh T. Công ty không còn lưu trữ hồ sơ và hợp đồng lao động nên không cung cấp được cho Tòa án.

Tại phiên họp ngày 31/12/2025, bà T, bà L và đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH T2 là bà Phạm Thị Hoài T1 có đơn đề nghị vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu bà Võ Trinh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về phạm vi yêu cầu và quan hệ pháp luật: Bà Võ Trinh T đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Võ Trinh T và Công ty TNHH T2 trong thời gian từ tháng 10/2013 đến tháng 8/2015 là vô hiệu, giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu. Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 33, Điều 401, khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025), xác định quan hệ pháp luật là “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” và giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu theo yêu cầu của bà T.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Hợp đồng lao động mà bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu là hợp đồng giao kết với Công ty TNHH T2 – địa chỉ tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025), yêu cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tại phiên họp, bà T, bà L và đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH T2 là bà Phạm Thị Hoài T1 có đề nghị vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Tại Công văn số 985/BHXXH-TST ngày 29/12/2025 của Bảo hiểm xã hội Cơ sở Cát Lái, Bảo hiểm xã hội Thành phố H về việc xác nhận thời gian đóng BHXH, BHTN của bà Võ Trinh T thể hiện: Bà T là người lao động từ tháng 10/2013 đến tháng 8/2015 tại Công ty TNHH T2 theo sổ BHXH số 7913296437 và tại Công ty TNHH P (Việt Nam), Công ty TNHH B có sổ BHXH số 7213009078. Như vậy, có cơ sở xác định trình bày của bà T và bà L về việc bà L mượn chứng minh nhân dân và thông tin cá nhân của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2 trong khoảng thời gian tháng 10/2013 đến tháng 8/2015 là đúng. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của bà T về việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà T và Công ty TNHH T2 trong khoảng thời gian tháng 10/2013 đến tháng 8/2015 theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 7913296437 là vô hiệu.

[2.2] Khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu là “...Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, do đó có cơ sở xác định bà L là người lao động tại Công ty TNHH T2 trong thời gian từ tháng 10/2013 đến tháng 8/2015. Bà L có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7913296437.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Bà Võ Trinh T tự nguyện chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 33, Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 361, khoản 2 và khoản 3 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 401 và khoản 5 Điều 402 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025);

- Căn cứ Điều 15, khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 19 và Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014, năm 2022);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Trinh T:

1.1 Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Võ Trinh T (do bà Hồ Thị Phụng L mượn chứng minh nhân dân của bà T) và Công ty TNHH T2 trong thời gian từ tháng 10/2013 đến tháng 8/2015 theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 7913296437 là vô hiệu.

1.2 Bà Võ Trinh T, sinh ngày 05/12/1994, giới tính nữ, quốc tịch Việt Nam, số CMND 291058213 (số CCCD: 072194006762) không phải là người lao động tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7913296437.

1.3 Bà Hồ Thị Phụng L, sinh ngày 03/6/1997, giới tính nữ, quốc tịch Việt Nam, số CCCD: 072197004641 là người lao động tại Công ty TNHH T2 trong thời gian từ tháng 10/2013 đến tháng 8/2015 theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 7913296437. Bà Hồ Thị Phụng L có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7913296437 và thực hiện thủ tục hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Võ Trinh T tự nguyện chịu lệ phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà bà Võ Trinh T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020111 ngày 26/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Trinh T đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Thời hạn kháng cáo của bà Võ Trinh T, bà Hồ Thị Phụng L, Công ty TNHH T2 là 10 (mười) ngày kể từ ngày bà Võ Trinh T, bà Hồ Thị Phụng L, Công ty TNHH T2 nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh đối với Quyết định này là 10 (mười) ngày và của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân KV2-TP.HCM;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - TPHCM);
- Lưu: hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hà Thị Hoài